

Số: 275/BC-THHLY

Hải Tiến, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

(Theo TT 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng BGDDT)

I. THÔNG TIN CHUNG

Trường Tiểu học Hải Lý thuộc xã Hải Tiến, tỉnh Ninh Bình. Xã Hải Tiến được thành lập từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 3 đơn vị là thị trấn Cồn, xã Hải Sơn và xã Hải Tân. Sau sắp xếp, xã Hải Tiến có diện tích tự nhiên là 24,19 km², quy mô dân số là 44.648 người, trong đó có khoảng 53% dân số theo đạo Công giáo. Phía Bắc giáp xã Hải Hậu và xã Hải Quang, phía Đông giáp biển, phía Nam giáp xã Hải Xuân và phía Tây giáp Hải Anh. Người dân sống chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, diêm nghiệp, nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản và kinh doanh dịch vụ.

Trường được tách ra từ trường Phổ thông cơ sở Hải Lý vào năm 1997. Những năm đầu mới thành lập, nhà trường gặp rất nhiều khó khăn về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ dạy - học. Mặc dù ở địa bàn còn nhiều khó khăn, đến nay, dưới sự quan tâm đầu tư của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự quan tâm của hội cha mẹ học sinh, nhà trường đã từng bước vượt qua khó khăn thử thách, dần dần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, hoàn thiện cơ sở vật chất. Trường Tiểu học Hải Lý đã được quy hoạch về một điểm trường. Đây là điều kiện rất thuận lợi giúp nhà trường có điều kiện triển khai đồng bộ và hiệu quả các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Cổng thông tin điện tử trường: <https://thhaily.ninhbinh.edu.vn>

Địa chỉ email: th18haily@gmail.com

Nhà trường xác định với sứ mệnh: Xây dựng nhà trường có nền nếp - kỷ cương - chất lượng trong dạy và học để mỗi giáo viên, học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng; Tạo điều kiện cần và đủ để học sinh của trường tự tin khi tham gia lao động xã hội, cũng như cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

Nhà trường xác định với tầm nhìn: Hướng đến một trường học thân thiện với chất lượng giáo dục là ưu tiên hàng đầu; luôn đổi mới, phát triển nhà trường theo hướng “Trường học hiện đại - hạnh phúc” để đáp ứng yêu cầu phát triển của giáo dục, hội nhập quốc tế, được cha mẹ học sinh và học sinh tin cậy.

Là nơi đào tạo học sinh thành những con người năng động, nhiệt tình trong công việc, yêu lao động, sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hoà nhập tốt trong cộng đồng.

Với mục tiêu: Phát triển nhà trường theo mô hình “Trường học hiện đại - hạnh phúc” có môi trường thân thiện, có uy tín về chất lượng giáo dục và giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I, trường KĐCL cấp độ 2, phấn đấu đạt chuẩn quốc gia mức độ II. Tạo dựng được môi trường học tập, xây dựng được thương hiệu nhà trường và luôn có được niềm tin của cấp uỷ, chính quyền và nhân dân địa phương.

Nhà trường có tổng diện tích đang sử dụng là 9118 m², trong đó 5400 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích được quy hoạch là 13600 m²). Hiện trường có 1142 HS/31 lớp, số HS học 2 buổi/ngày: 1142/1142. Cảnh quan sư phạm thoáng mát, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khuôn viên trường trồng nhiều cây xanh. Điều kiện cơ sở vật chất khá đầy đủ, bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng viết được trang bị đầy đủ, có hệ thống nước uống đạt yêu cầu, phục vụ tốt trong việc chăm sóc sức khỏe học sinh. Trình độ chuyên môn 100% giáo viên biên chế đạt chuẩn, 01 GV hợp đồng trình độ đại học, 05 GV hợp đồng trình độ cao đẳng.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	1	0	0	
Phó HT	1	1	0	1	0	0	
Giáo viên	44	36	0	39	0	5	6 GVHD
Nhân viên	3	2	0	3	0	0	
Cộng	49	38	0	44	0	5	

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được đánh giá xếp loại viên chức Hoàn thành tốt và Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Cơ sở vật chất nhà trường đủ điều kiện phục vụ tốt cho công tác dạy và học. Trường có tổng diện tích 9118 m² đang sử dụng (5400 m² đã có giấy CN quyền sử dụng đất), trung bình 7,98 m²/1học sinh với đủ các hạng mục như: Lớp học, các phòng chức năng, sân chơi... với các trang thiết bị tạo điều kiện cho học sinh học tập và phát triển toàn diện. Khuôn viên nhà trường được xây dựng ở

môi trường yên tĩnh, có lộ giao thông bê tông rộng thuận tiện cho học sinh đến trường.

Nhà trường đã xây dựng được môi trường xanh, sạch, có cảnh quan hài hoà, có tính thẩm mỹ trong mô hình kiến trúc tổng thể. Sân trường được trồng chủ yếu là cây bóng mát như: phượng, bàng, xoài... cùng nhiều các chậu cây hoa, cây cảnh được sắp xếp hài hoà, đảm bảo khuôn viên xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh;

Trường có cổng trường, biển tên trường, biển ATGT đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ, có tường rào bảo vệ khép kín cao 1,5 m đảm bảo an toàn. Cổng chính của trường được xây dựng kiên cố, rộng rãi, cao ráo bảo đảm an toàn cho các bậc phụ huynh đưa đón học sinh, kể cả trong giờ cao điểm. Biển tên trường được lắp đặt rõ ràng, nội dung biển tên trường đúng theo quy định Điều lệ trường tiểu học. Trường có tổng số phòng: 46 (Số phòng học: 31; Số phòng bộ môn: 3, phòng chức năng: 12

Phòng học: Bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Số lượng phòng học chưa đủ theo quy định. Thiếu phòng Phòng học bộ môn Ngoại ngữ, Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ.

Trường có sân chơi, bãi tập. Sân chơi, sân tập bằng phẳng đảm bảo an toàn cho học sinh vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao.

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường: Đã được công khai trên trang website và các phương tiện thông tin trước khi vào năm học mới.

Cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	31/31	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	31	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất đang sử dụng (m²)	9 118,6	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3 895	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1600	
2	Diện tích thư viện (m ²)	90	

3	Diện tích phòng đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng Âm nhạc (m ²)	50	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ lồng ghép phòng mỹ thuật (m ²)	50	
6	Diện tích phòng học Tin học (m ²)	50	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	20	
8	Diện tích phòng y tế, hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	30	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	50	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1	Khối lớp 1	188	31,3 bộ/lớp
2	Khối lớp 2	200	33,3 bộ/lớp
3	Khối lớp 3	145	24,2 bộ/lớp
4	Khối lớp 4	219	36,5 bộ/lớp
5	Khối lớp 5	196	32,7 bộ/lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	13	0,011 máy tính/HS
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	35	01 ti vi/lớp
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Thiết bị khác: Máy phô tô	1	
6	Máy scan	1	
7	Máy in	7	

XX	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	13 m ²		200 m ²		0,18
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XV	Tường rào xây	x	

IV. TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA, TRƯỜNG CHUẨN XANH – SẠCH - ĐẸP – AN TOÀN VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Năm 2023 nhà trường đã được công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia

mức độ I; đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 2, thư viện trường học đạt chuẩn và được công nhận lại trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn. Nhà trường tiếp tục duy trì, phát huy hiệu quả trường chuẩn quốc gia, tiếp tục tu bổ CSVC, cảnh quan, chỉnh trang khuôn viên, sân vườn, trồng thêm các loại cây, mua sắm, bổ sung trang thiết bị và hoàn thiện các phòng chức năng; tham mưu với địa phương hoàn thiện sân TDTT, xây dựng nhà đa năng, sân bóng mini, tập trung hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn, các điều kiện để phấn đấu trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II vào năm 2028.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Năm học 2024 - 2025, nhà trường tiếp tục phát huy các điểm mạnh, các quy định về chuyên môn của nhà trường, thường xuyên tổ chức các chuyên đề nâng cao chất lượng, tăng cường công tác dự giờ, đổi mới sinh hoạt chuyên môn tạo điều kiện giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn do ngành tổ chức giao lưu; nâng cao chất lượng các câu lạc bộ năng khiếu để các phong trào, hội thi đạt hiệu quả cao hơn. Bên cạnh đó, đơn vị chủ động, linh hoạt để thực hiện các biện pháp rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

Kết quả đánh giá cuối năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1148	225	243	218	239	223
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1148	225	243	218	239	223

* Các môn học

Môn	T. trường		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Tiếng Việt	1,148		225		243		218		239		223	
Hoàn thành tốt	893	77.79	175	77.78	196	80.66	179	82.11	143	59.83	200	89.69
Hoàn thành	246	21.43	44	19.56	47	19.34	38	17.43	95	39.75	22	9.87
Chưa hoàn thành	9	0.78	6	2.67		0.00	1	0.46	1	0.42	1	0.45
2. Toán	1,148		225		243		218		239		223	
thành tốt	822	71.60	155	68.89	197	81.07	146	66.97	141	59.00	183	82.06
Hoàn thành	316	27.53	66	29.33	46	18.93	70	32.11	96	40.17	38	17.04
Chưa hoàn thành	10	0.87	4	1.78		0.00	2	0.92	2	0.84	2	0.90
3. Đạo Đức	1,148		225		243		218		239		223	
Hoàn thành tốt	1,025	89.29	187	83.11	216	88.89	204	93.58	211	88.28	207	92.83
Hoàn thành	123	10.71	38	16.89	27	11.11	14	6.42	28	11.72	16	7.17

Môn	T. trường		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Chưa hoàn thành												
4. Khoa học (TN&XH)	1148		225		243		218		239		223	
Hoàn thành tốt	966	84.15	181	80.44	202	83.13	194	88.99	180	75.31	209	93.72
Hoàn thành	181	15.77	44	19.56	41	16.87	24	11.01	58	24.27	14	6.28
Chưa hoàn thành	1	0.09							1	0.42		
5. LS- ĐL	462								239		223	
Hoàn thành tốt	393	85.06							186	77.82	207	92.83
Hoàn thành	68	14.72							52	21.76	16	7.17
Chưa hoàn thành	1	0.22							1	0.42		
6. Âm nhạc	1,148		225		243		218		239		223	
Hoàn thành tốt	996	86.76	185	82.22	211	86.83	202	92.66	203	84.94	195	87.44
Hoàn thành	152	13.24	40	17.78	32	13.17	16	7.34	36	15.06	28	12.56
Chưa hoàn thành												
7. Mĩ thuật	1,148		225		243		218		239		223	
Hoàn thành tốt	1,002	87.28	189	84.00	209	86.01	203	93.12	202	84.52	199	89.24
Hoàn thành	146	12.72	36	16.00	34	13.99	15	6.88	37	15.48	24	10.76
Chưa hoàn thành												
8. HĐ trải nghiệm	1,148		225		243		218		239		223	
Hoàn thành tốt	1,000	87.11	183	81.33	204	83.95	200	91.74	202	84.52	211	94.62
Hoàn thành	148	12.89	42	18.67	39	16.05	18	8.26	37	15.48	12	5.38
Chưa hoàn thành												
9. GD Thể chất	1,148		225		243		218		239		223	
Hoàn thành tốt	1,006	87.63	186	82.67	211	86.83	201	92.20	206	86.19	202	90.58
Hoàn thành	142	12.37	39	17.33	32	13.17	17	7.80	33	13.81	21	9.42
Chưa hoàn thành												
10. Công nghệ	680						218		239		223	
Hoàn thành tốt	491	72.21					157	72.02	158	66.11	176	78.92
Hoàn thành	189	38.49					61	27.98	81	33.89	47	21.08
Chưa hoàn thành												
11. Tin học	680						218		239		223	
Hoàn thành tốt	410	60.29					115	52.75	118	49.37	177	79.37
Hoàn thành	270	65.85					103	47.25	121	50.63	46	20.63
Chưa hoàn thành												
11. Tiếng Anh	680						218		239		223	
Hoàn thành tốt	519	76.32					166	76.15	187	78.24	166	74.44
Hoàn thành	161	31.02					52	23.85	52	21.76	57	25.56
Chưa hoàn thành												

*** Năng lực, phẩm chất**

Các năng lực, các phẩm chất: 100% học sinh xếp loại Tốt và Đạt

- Hoàn thành Chương trình lớp học/ HTCT Tiểu học

<i>Chương trình lớp học</i>	KHỐI 1		KHỐI 2		KHỐI 3		KHỐI 4		KHỐI 5		TOÀN TRƯỜNG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tổng số hs	225		243		218		239		223		1148	
Hoàn thành	219	97,3	243	100	216	99,1	237	99,1	222	99,6	1137	99,0
Chưa hoàn thành	6	2,7	0	0	2	0,9	2	0,9	1	0,4	11	1,0

- Khen thưởng

Giấy khen cấp trường	KHỐI 1		KHỐI 2		KHỐI 3		KHỐI 4		KHỐI 5		TOÀN TRƯỜNG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
HS xuất sắc	56	24,9	59	24,3	38	17,4	32	13,4	34	15,2	219	19,1
HS Tiêu biểu	59	26,2	64	26,3	70	32,1	84	35,1	78	35	355	30,9
Tổng	115	51,1	123	50,6	108	49,5	116	48,5	112	50,2	574	50,0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

NĂM 2025

TT	DIỄN GIẢI		TÒN THÁNG 12/2024	THU	CHI	TÒN
01	Kỹ năng sống	Tiền mặt	7.796.880		7.796.880	0
		Tài khoản	0	53.424.000	53.424.000	0
02	Dịch vụ vệ sinh	Tiền mặt	0	0	0	0
		Tài khoản	0	185.328.000	185.328.000	0
03	Nước uống	Tiền mặt	0	0	0	0
		Tài khoản	0	102.960.000	102.960.000	0
04	Xe đạp	Tiền mặt	0	0	0	0
		Tài khoản	0	47.410.000	47.410.000	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo

đục phổ thông cấp tiểu học

Xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 xong trước ngày ngày 30 tháng 8 năm 2025.

Chỉ đạo bộ phận chuyên môn, giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục, có phân công, phân nhiệm cụ thể các bộ phận, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong đó chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh từng bước nâng cao chất lượng dạy và học. Kết quả: 100% cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng sử dụng sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhiệm vụ năm học, hướng dẫn tổ chức các sân chơi, hội thi; công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh: Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng các kế hoạch tổ chức, tham gia các sân chơi, các hội thi như Viết đúng - Viết đẹp; Phát triển năng lực Tiếng Anh, IOE, ...và triển khai tổ chức thực hiện giúp học sinh có thêm sân chơi bổ ích, được học hỏi, tiếp thu kiến thức qua từng vòng thi và đạt kết quả tốt. Thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh...

- Kết quả công tác chỉ đạo chuyên môn:

Chỉ đạo bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch hợp chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Các tổ chuyên môn chủ động xây dựng nội dung sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng. Xây dựng kế hoạch tổ chức thao giảng, chuyên đề, dự giờ thăm lớp để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn cùng giáo viên phụ trách bộ môn đã tham dự đầy đủ các chuyên đề do cụm trường, Sở GD&ĐT tổ chức các môn học như Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Đạo đức, Giáo dục thể chất,...

2. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

2.1 Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục
Kết quả việc tổ chức xây dựng, triển khai KHGD, KHDH môn học, KHBD

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ lớp 1 đến lớp 5, nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục từ đầu năm học làm cơ sở tổ chức triển khai các hoạt động tại đơn vị, hướng dẫn các tổ chuyên môn thực hiện kế hoạch giáo dục môn học. Căn cứ thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 Thông tư ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học, cán bộ quản lý đã sâu sát trong việc triển khai, hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch bài dạy/môn/tiết có vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Kết quả: 100% giáo viên có kế hoạch bài dạy đã được duyệt trước khi lên lớp. Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc như: Tiếng

Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), Hoạt động trải nghiệm, Khoa học, Lịch sử - Địa lý. Riêng lớp 3, 4 có thêm môn Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ theo quy định của Chương trình GDPT 2018; Lớp 1, 2 học Tiếng Anh và lớp 2 học Tin học theo chương trình tự chọn, tổ chức các hoạt động củng cố để HS tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của HS; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp HS hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; thời khóa biểu được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi HS tiểu học.

Giáo viên đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học nhằm phát triển năng lực học sinh, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của HS. Học sinh nắm được chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học, hoạt động giáo dục. Đa số học sinh năng động, sáng tạo và có kỹ năng sống, phát triển các năng lực và phẩm chất cần thiết.

Nhà trường rất quan tâm việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, dạy học STEM ở các môn học, hoạt động giáo dục để giúp HS có kỹ năng thực hành, phát triển kỹ năng sống, tạo điều kiện để học sinh được trải nghiệm, học tập đạt hiệu quả.

2.2. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình GDPT 2018

a. Đối với môn Tiếng Anh

Nhà trường tổ chức 100% học sinh khối lớp 3,4,5 được học tiếng Anh, thực hiện chương trình Tiếng Anh 4 tiết/tuần. Triển khai học Tiếng Anh tự chọn đối với HS lớp 1, 2.

b. Đối với môn Tin học và việc tổ chức hoạt động giáo dục Tin học

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% HS lớp 3, lớp 4 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình GDPT 2018 và tự chọn đối với lớp 2; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT theo Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục

phổ thông 2018 cấp tiểu học;

Kết quả: 100% học sinh lớp 2,3,4,5 được đánh giá hoàn thành môn học.

3. Công tác triển khai giáo dục STEM, chuyển đổi số, thí điểm triển khai Học bạ số

3.1. Đối với giáo dục STEM

Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, GV, cha mẹ HS, HS về vai trò của giáo dục STEM nhằm tạo sự đồng thuận; huy động nguồn lực của cộng đồng triển khai thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong Chương trình GDPT cấp tiểu học.

100% CB, GV được tập huấn giáo dục STEM, làm tốt công tác chỉ đạo, GV đã chủ động tích hợp nội dung giáo dục STEM vào kế hoạch giáo dục đảm bảo chất lượng và hiệu quả; tham dự các chuyên đề cấp cụm trường nhằm tăng cường trao đổi chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chức dạy học STEM, bước đầu đưa nội dung giáo dục vào các môn học cụ thể theo chủ đề từng khối/lớp đã tạo được sự yêu thích, say mê, kích thích sự tìm tòi, học hỏi và sáng tạo của học sinh. Kết quả: 100% lớp thực hiện.

3.2. Đối với việc triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số Đơn vị đã triển khai chuyển đổi số trong duyệt kế hoạch bài dạy, thực hiện hồ sơ chuyên môn và trao đổi thông tin liên quan công tác chuyên môn. Kết quả: 100% cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện.

Đơn vị đã tăng cường đầu tư CSVC, hạ tầng CNTT, thiết bị dạy học môn Tin học; bồi dưỡng GV Tin học nói riêng và GV tiểu học nói chung để sẵn sàng triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở đơn vị thông qua các hình thức: dạy học môn Tin học thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Đối với việc triển khai triển khai Học bạ số: 100% giáo viên đánh giá học sinh qua ứng dụng phần mềm, thực hiện học bạ số.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm khác: Nhà trường đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo kế hoạch năm học.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV;
- Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Thu Hà